

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/DS-ST
Ngày 17-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Minh Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H, sinh năm 1991, trú tại khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 10 năm 2023) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hoàng Trung H trình bày: Ông Lâm Văn T2 có vay của bà Trịnh Thị Mỹ T1 tổng số tiền 140.000.000 đồng; vay không có lãi, không có thời hạn trả chỉ thoả thuận khi nào bà T1 cần lấy lại số tiền thì báo

trước 30 ngày; cụ thể các lần vay như sau: Lần thứ nhất vào ngày 12 tháng 3 năm 2014 âm lịch ông T2 vay 100.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 03 tháng 7 năm 2017 âm lịch ông T2 vay số tiền 40.000.000 đồng. Bà T1 đã nhiều lần đòi tiền ông T2 nhưng ông T2 cố tình không trả. Ông H đại diện cho bà T1 yêu cầu ông Lâm Văn T2 trả cho bà Trịnh Thị Mỹ T1 số tiền 140.000.000 đồng.

- Tại đơn phản tố ngày 01 tháng 12 năm 2023 bị đơn ông Lâm Văn T2 trình bày: Ông và bà Trịnh Thị Mỹ T1 có mối quan hệ tình cảm và sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến năm 2019, tất cả mọi sinh hoạt, mua sắm vật dụng trong gia đình bà T1 và cha mẹ, anh em bà T1 đều do ông bỏ tiền ra lo lắng nên không có lý do gì ông mượn tiền của bà T1 với số tiền 140.000.000 đồng. Vì vậy ông yêu cầu Toà án nhân dân huyện Phú Tân xem xét giải quyết tuyên nội dung khởi kiện của bà Trịnh Thị Mỹ T1 là không có cơ sở. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04 tháng 01 năm 2024 ông T2 thừa nhận biên nhận ngày 03/7/2017 âm lịch với số tiền 40.000.000 đồng chữ ký tên và viết tên là của ông T2; số tiền ông nợ bà T1 40.000.000 đồng ông đã hốt hụi trừ cần và đã trả xong cho bà T1. Đối với biên nhận ngày 12/3/2014 âm lịch với số tiền 100.000.000 đồng chữ ký và chữ viết trong biên nhận không phải của ông T2. Do đó, ông không đồng ý trả cho bà T1 số tiền 140.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Mỹ T1. Buộc ông Lâm Văn T2 trả cho bà Trịnh Thị Mỹ T1 số tiền 140.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị Mỹ T1 khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn T2 trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lâm Văn T2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lâm Văn T2.

[3] Tại phiên tòa ông H đại diện cho bà T1 yêu cầu ông Lâm Văn T2 trả cho bà T1 số tiền 140.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04 tháng 01 năm 2024 ông T2 cho rằng biên nhận ngày 12 tháng 3 năm 2014 âm lịch với số tiền vay 100.000.000 đồng, ông T2 cho rằng không có ký vào biên nhận, không có vay của bà T1 số tiền 100.000.000 đồng; đối với biên nhận ngày 03 tháng 7 năm 2017 âm lịch với số tiền 40.000.000 đồng, ông T2 thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của ông T2, nhưng ông T2 đã đối trừ tiền hụi và đã trả tiền xong cho bà T1. Xét thấy:

Đối với biên nhận ngày 03 tháng 7 năm 2017 với số tiền 40.000.000 đồng, ông T2 thừa nhận chữ ký và chữ viết Lâm Văn T2 là của ông T2, như vậy có cơ sở xác định vào ngày 03 tháng 7 năm 2017 ông T2 có vay của bà T1 số tiền 40.000.000 đồng, ông T2 cho rằng đã trả cho bà T1 xong nhưng ông T2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông T2 đã trả cho bà T1 số tiền 40.000.000 đồng nên ông T2 phải có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền 40.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 12 tháng 3 năm 2014 âm lịch với số tiền vay 100.000.000 đồng ông T2 không thừa nhận, ông T2 cho rằng không có ký vào biên nhận, không có vay của bà T1 số tiền 100.000.000 đồng. Tòa án đã mời ông T2 để đối chất với bà T1 nhưng ông T2 vắng mặt không tham gia đối chất với bà T1. Bà T1 đã cung cấp biên nhận có chữ ký và chữ viết của ông T2 nhưng ông T2 không thừa nhận. Như vậy, bà T1 đã cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc ông T2 có vay tiền của bà T1. Ông T2 không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận do bà T1 cung cấp là chữ ký và chữ viết của ông T2 thì ông T2 phải có nghĩa vụ chứng minh chữ ký và chữ viết trong biên nhận do bà T1 cung cấp không phải là của ông. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ông T2 có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông T2, Tòa án có quy định cho ông T2 trong thời hạn mười lăm ngày phải nộp đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông T2 tại biên nhận ngày 12 tháng 3 năm 2014 nhưng ông T2 không có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết. Do đó, ông T2 phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà T1 theo biên nhận mà bà T1 đã cung cấp.

Từ phân tích nêu trên nên bà T1 yêu cầu ông T2 trả số tiền 140.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trịnh Thị Mỹ T1 được chấp nhận nên bà T1 không phải chịu án phí, bà T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.500.000 đồng được nhận lại. Ông Lâm Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 7.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Mỹ T1. Buộc ông Lâm Văn T2 có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Mỹ T1 số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Trịnh Thị Mỹ T1 không phải chịu án phí, bà T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019263 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Trịnh Thị Mỹ T1 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Lâm Văn T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều